

14. Xã Phong Doanh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
1	Tỉnh lộ 485 (Đường 57A cũ)			
	Đoạn từ giáp xã Ý Yên đến cầu vượt Cao Tốc	7.500	3.800	1.900
	Đoạn từ cầu vượt Cao Tốc đến cầu Bo mới	8.000	4.000	2.100
	Từ cầu Bo mới đến giáp xã Tân Minh	7.000	3.900	2.100
2	Đường trục xã			
	Đoạn từ cầu Bo cũ đến giáp đất Tân Minh	5.000	2.500	1.300
	Đoạn từ cầu Bo mới đến hết chợ Cổ Đàm	3.500	1.800	1.000
	Đoạn từ TL 485 đi Quang Điểm đến giáp đê Tả Dáy	3.000	1.800	1.000
	Từ ngã tư Lam Sơn (giáp đường Chính Phong) đến ngã ba ông Bằng	5.000	2.500	1.300
	Đoạn từ Ngã tư Lam Sơn qua Trung Tiến đến dốc đê Đại Hà	4.500	2.300	1.200
	Đoạn từ đường WB2 Đa Bụt đến ngã tư ông Hiếu	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ nhà văn hóa thôn 4 đến đê Đại Hà	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ đền thượng đến đền hạ	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ Trạm biến Áp 1 đến dốc đê Đại Hà	4.500	2.300	1.200
	Đoạn từ Bà Mai giáp đường Chính Phong đến hết Đa Phú	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ ngã ba ông Anh giáp đường Chính Phong đến hết thôn Ba Trại	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ nhà thờ Trung Tiến đến thôn 4	4.500	2.300	1.200
	Đoạn từ quỹ tín dụng đi chợ Sở đi cống Đập Đuôi	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ đội 4 Tân Quang đến hết đội 5 Tân Quang	3.000	1.800	1.000
	Đoạn đường từ Quang Trung qua Nhất Ninh đến hết Phú Ninh	3.000	1.800	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
	Tuyến từ dốc đê Thịnh An đến hết Kim Phú	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ hàng đầu Cá đến hết ao Cỏ Chày	6.000	3.000	1.500
	Đoạn từ ao Cỏ Chày đến hết Rốc Cống	6.000	3.500	1.800
	Đoạn từ ao Cỏ Chày đến hết trạm bơm Đại Vượng	6.000	3.000	1.500
	Đoạn đường từ Trạm bơm Đò Cao đến trạm bơm Thanh Bình	5.100	2.600	1.400
	Từ chùa Bình Thượng đến cầu Thanh Khê	4.000	2.000	1.000
	Đoạn từ phía Tây chân cầu Bo cũ đến cầu Bo mới đi hết Công ty CP Cá giống Ý Yên	7000	3.600	1.800
	Đoạn đường gom dân sinh gầm cầu vượt Lạc Chính	3.500	2.000	1.000
	Đoạn từ ông Tỉnh xóm An Thắng đi cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình	3.500	1.800	1.000
	Từ nghĩa trang liệt sỹ đi Văn Đoàn đi giáp Tân Minh	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ Tỉnh lộ 485 Việt Hùng đi xóm Dũng Tiến	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ ông Hải xóm Ninh Thắng đi Việt Hưng	3.000	1.800	1.000
	Đoạn từ ông Bình xóm Trung Thành - Ngã tư Lãng - Ông Lợi xóm Quyết Thắng	3.000	1.800	1.000
	Từ giáp xã Ý Yên đến cống Đập Đuôi	5.000	3.000	1.600
	Từ cống Đập Đuôi đến trạm bơm Kinh Thanh 2	4.500	2.700	1.500
3	Đường Thành Xá	5.000	2.500	1.300
4	Đường Chính Phong	7000	3.500	1.900
5	Khu dân cư tập trung Yên Phương			
	Đường N4, N5	7.000		
	Đường N3, D3, D4 (lô liền kề)	6.000		
	Đường N2	5.500		

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
	Đường N1	5.000		
	Đường D1, D2, D3 (lô biệt thự)	5.000		
6	Khu tái định cư cao tốc	3.000		
7	Khu dân cư tập trung Yên Phú			
	Đường D1(đất chia lô liền kề)	6.000		
	Đường D1, N2 (Giá đất ở biệt thự)	5.000		
8	Khu dân cư tập trung			
	- Tuyến đường N1	4.500		
	- Tuyến đường N2	3.500		
9	Điểm dân cư tập trung thôn Thọ Cách			
	Đường 8.5 m	5.000		
	Đường 11.5 m	7.500		
	Đường 13.5 m	6.500		
10	Khu dân cư tập trung Yên Chính			
	Đường D2; N1	5.000		
	Đường D1	6.000		
	Đường N2	6.000		
11	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Lam Sơn			
	Đường N2, N3, D3	15.000		
	Đường D2, N5	10.000		
	Đường D1, N1, N4	8.000		

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
12	Khu tái định cư cho đường trọng điểm: Đường Thanh Liêm – Cao Bồ (Trục T4), đường Trục động lực phát triển Hoa Lư – Nam Định, đường kết nối QL.1A với đường Trục dọc 07			
	Khu tái định cư Bo	8.000		
	Khu tái định cư Phú Giáo	7.000		
	Khu tái định cư Hoàng Đan	7.000		
13	Các đoạn đường, tuyến đường còn lại			
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	3.000		
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	1.800		
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1.000		